

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ LỄ PHÁT BẰNG THẠC SĨ NĂM 2025 ĐỢT 2

(Sắp xếp theo số thứ tự lên lễ đài nhận bằng và vị trí ngồi)

TT	Số hiệu VB	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
4	x	M5222003	Lê Hoàng Kiệt		20/09/1999	Chính sách công	2022	Viện Mekong
5	8909	M5222001	Huỳnh Thị Thu	X	09/08/1990	Chính sách công	2022	Viện Mekong
7	8981	M5223002	Lê Kim Hồng	X	29/09/1976	Chính sách công	2023	Viện Mekong
8	8982	M5223004	Nguyễn Hải Minh	X	13/01/1995	Chính sách công	2023	Viện Mekong
10	9079	M2322005	Thạch Thị Diễm Phúc	X	30/09/1989	Văn học Việt Nam	2022	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
11	9080	M2322009	Trần Hoàng Tính		24/02/1999	Văn học Việt Nam	2022	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
13	9081	M2323003	Cao Kiều Ngọc Trâm	X	14/05/1989	Văn học Việt Nam	2023	Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn
24	8988	M2222014	Diệp Đăng Hưng		21/11/2000	Công nghệ thực phẩm	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
25	8911	M2222018	Quách Thị Huỳnh Như	X	15/06/2000	Công nghệ thực phẩm	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
32	8983	M0522028	Trần Thủy Quỳnh	X	04/08/1999	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
33	8984	M0522034	Trần Nguyễn Bảo Anh	X	01/01/1999	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
40	8985	M0523012	Trần Ngọc Quế Linh	X	05/04/2001	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
42	8986	M0523016	Hà Ngọc Thu	X	12/09/2001	Công nghệ sinh học	2023	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
43	9031	M3421021	Nguyễn Hồng Ngọc	X	20/02/1995	Luật kinh tế	2021	Khoa Luật
44	9032	M3421031	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	X	06/10/1994	Luật kinh tế	2021	Khoa Luật
45	9033	M3421034	Lê Thị Bé Thu	X	01/01/1985	Luật kinh tế	2021	Khoa Luật
46	8921	M3422004	Trần Nhật Anh	X	21/08/1997	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
47	8922	M3422011	Nguyễn Trung Dũng		11/12/1997	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
50	8923	M3422025	Trần Thị Thiên Kim	X	05/10/1997	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
51	8924	M3422030	Mai Mi Mi	X	20/04/1998	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
54	9034	M3422055	Tê Hoàng Tiến		25/10/1996	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
55	8925	M3422059	Đoàn Thị Diễm Trinh	X	29/02/1996	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
56	8966	M3422061	Trần Hoàng Tú		10/11/1987	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
58	8926	M3422075	Nguyễn Thị Ngọc Phận	X	19/05/1992	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
70	9029	M4722003	Phan Xuân Lợi		21/02/2000	Kỹ thuật môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
71	8919	M4722004	Trần Thảo Nguyên	X	05/06/1999	Kỹ thuật môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
72	8920	M4722006	Trần Minh Viên		13/08/2000	Kỹ thuật môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
73	8916	M1122001	Nguyễn Quốc Anh		20/10/2000	Khoa học môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
74	8917	M1122011	Trần Thị Thanh Trúc	X	10/12/2000	Khoa học môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
75	9014	M1122012	Đoàn Phi Yến	X	06/03/2000	Khoa học môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
80	9066	M2922003	Ngô Thúy Duy	X	21/07/2000	Quản lý tài nguyên và môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
81	8946	M2922012	Trương Hoàng Việt		13/01/2000	Quản lý tài nguyên và môi trường	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
89	8938	M3322001	Trần Trung Hiếu		25/04/1994	Quản lý đất đai	2022	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
94	9045	M3323004	Phạm Thị Vân Kiều	X	14/12/1993	Quản lý đất đai	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
96	9046	M3323008	Võ Thùy Diễm	X	22/07/1993	Quản lý đất đai	2023	Khoa Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên
100	8937	M1822008	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	X	16/03/2000	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên
102	8962	M0722002	Đặng Thị Phương Ngân	X	09/01/1989	Toán giải tích	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên
103	9078	M0722005	Nguyễn Tiến Doanh		14/07/1987	Toán giải tích	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên
105	9084	M0922004	Từ Quốc Thắng		10/08/1998	Hóa hữu cơ	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên
106	8993	M0923001	Nguyễn Hưng An		27/08/2001	Hóa hữu cơ	2023	Khoa Khoa học Tự nhiên
107	8994	M0923005	Bùi Minh Phúc		15/01/2000	Hóa hữu cơ	2023	Khoa Khoa học Tự nhiên
109	8949	M0422001	Nguyễn Thị Minh Anh	X	01/01/1998	Sinh thái học	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên

TT	Số hiệu VB	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
110	8950	M0422003	Lý Thị Thu Dung	X	20/06/1987	Sinh thái học	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên
111	8951	M0422004	Trần Nguyễn Thùy Dung	X	16/06/1995	Sinh thái học	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên
112	8952	M0422013	Nguyễn Cao Thơ		23/07/1989	Sinh thái học	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên
120	9082	M0823008	Nguyễn Thị Thanh Tâm	X	19/12/1994	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2023	Khoa Khoa học Tự nhiên
123	8995	M2021014	Nguyễn Thanh Hoài Nhân		21/03/1992	Hóa lý thuyết và hóa lý	2021	Khoa Khoa học Tự nhiên
124	8996	M2022005	Dương Thị Kiều Hương	X	31/12/1995	Hóa lý thuyết và hóa lý	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên
126	8997	M2023005	Nguyễn Đức Huy		09/11/1995	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Khoa Khoa học Tự nhiên
127	8998	M2023006	Nguyễn Thị Diễm Kiều	X	12/02/1986	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Khoa Khoa học Tự nhiên
129	8999	M2023012	Trần Thành Hiếu		20/09/1990	Hóa lý thuyết và hóa lý	2023	Khoa Khoa học Tự nhiên
132	8987	M5122006	Trần Thị Huỳnh Hoa	X	01/02/1998	Công nghệ thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
133	8910	M5122018	Nguyễn Minh Nguyệt	X	08/10/1999	Công nghệ thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
134	9006	M3721002	Dương Trung Hiếu		13/12/1989	Khoa học máy tính	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
135	9007	M3721010	Phạm Công Thiện		16/12/1989	Khoa học máy tính	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
136	9008	M3721011	Phan Mỹ Trinh	X	04/09/1998	Khoa học máy tính	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
137	9009	M3721012	Nguyễn Thanh Tùng		06/06/1970	Khoa học máy tính	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
139	9010	M3722010	Nguyễn Đình Quang		18/08/1993	Khoa học máy tính	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
140	9011	M3722015	Tiêu Ngọc Tươi	X	15/10/2000	Khoa học máy tính	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
142	9012	M3723003	Trần Quốc Khang		21/10/2001	Khoa học máy tính	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
144	9013	M3723007	Lê Ngọc Thái		04/08/2000	Khoa học máy tính	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
145	8913	M2521006	Trần Thị Mỹ Huyền	X	04/03/1995	Hệ thống thông tin	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
148	8989	M2522009	Nguyễn Việt Nga	N	25/10/1984	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
153	8914	M2522026	Võ Văn Kiệt		11/08/1996	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
155	8915	M2523007	Phạm Huỳnh Ngọc	X	11/09/1992	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
156	8990	M2523009	Nguyễn Thanh Thiện		18/05/1985	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
161	8991	M2523025	Lê Thị Hải Oanh	X	23/04/1999	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
164	8992	M2523031	Trần Hoàng Yến	X	28/02/1991	Hệ thống thông tin	2023	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
166	9005	M1223001	Trần Hoài Nhân		09/03/1982	Khoa học đất	2023	Trường Nông nghiệp
167	8912	M4122006	Nguyễn Lê Đức Huy		18/04/2000	Di truyền và chọn giống cây trồng	2022	Trường Nông nghiệp
171	9083	M1021014	Đinh Hoàng Phúc		02/03/1995	Bảo vệ thực vật	2021	Trường Nông nghiệp
172	8963	M1022008	Nguyễn Lê Đông Phương	X	21/09/1998	Bảo vệ thực vật	2022	Trường Nông nghiệp
175	8908	M1022020	Võ Thị Thanh Lộc	X	18/01/1999	Bảo vệ thực vật	2022	Trường Nông nghiệp
176	8979	M1023005	Trần Quang Phú		08/12/2001	Bảo vệ thực vật	2023	Trường Nông nghiệp
178	8980	M1023024	Huỳnh Hữu Trí		10/03/2001	Bảo vệ thực vật	2023	Trường Nông nghiệp
181	9000	M0122020	Đặng Phương Trâm	X	23/01/1999	Khoa học cây trồng	2022	Trường Nông nghiệp
182	9001	M0123002	Hồ Mỹ Hiền	X	19/08/1982	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
183	9002	M0123003	Lê Nguyễn Quốc Hưng		17/06/1988	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
184	9003	M0123007	Lý Hồng Sơn		26/06/1999	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
185	9004	M0123009	Đinh Quang Tuấn		15/11/1992	Khoa học cây trồng	2023	Trường Nông nghiệp
188	8956	M0322002	Lê Quốc Huy		01/09/1992	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
189	8978	M0322003	Võ Gia Khánh		18/05/1999	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
191	8957	M0322007	Cao Thị Ngọc Ngân	X	01/02/2000	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
192	8958	M0322010	Nguyễn Phước Toàn		29/09/1995	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
193	8959	M0322016	Trương Quốc Thái		02/09/2000	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
194	8960	M0322021	Nguyễn Thị Nam Phương	X	01/01/1991	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
195	8961	M0322022	Ôn Ngọc Thanh Tâm	X	10/03/1998	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp

TT	Số hiệu VB	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
206	8965	M4421002	Phạm Đức Huy		29/01/1996	Kỹ thuật điện	2021	Trường Bách khoa
207	9019	M4421003	Võ Quốc Khánh		24/09/1995	Kỹ thuật điện	2021	Trường Bách khoa
208	9086	M4422013	Nguyễn Đức Thủy		25/04/1984	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
209	9020	M4422014	Trương Thiên Tường		29/10/1995	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
210	9021	M4422016	Nguyễn Duy Khánh		25/12/1997	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
211	9022	M4422024	Nguyễn Trần Quang Tuấn		02/09/1997	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
213	8918	M3823002	Trần Minh Khang		10/10/2000	Kỹ thuật hóa học	2023	Trường Bách khoa
216	9028	M3823007	Nguyễn Thái Mỹ Tiên	X	15/02/1989	Kỹ thuật hóa học	2023	Trường Bách khoa
220	9023	M3522002	Phạm Nguyễn Anh Duy		18/01/1995	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	Trường Bách khoa
221	9024	M3522003	Lê Đoàn Kết		14/05/1991	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	Trường Bách khoa
222	9025	M3522005	Trương Nhựt Quang		02/02/1998	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	Trường Bách khoa
225	9026	M3523016	Đoàn Trọng Nhân		17/10/1977	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2023	Trường Bách khoa
226	9027	M3523019	Lê Vĩnh Triều		28/02/1981	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2023	Trường Bách khoa
227	9124	M4222004	Trần Huy Đanl		09/04/1998	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2022	Trường Bách khoa
234	9125	M4223007	Huỳnh Thanh Toàn		15/06/1988	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
238	9126	M4223011	Trần Thanh Duy		26/02/1996	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
240	9127	M4223016	Lê Thanh Ký		02/02/1988	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
241	9030	M4223019	Nguyễn Tuấn Thông		08/08/1986	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2023	Trường Bách khoa
242	8930	M1522002	Phạm Kiều Giao	X	06/04/1994	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
243	9040	M1522004	Võ Thị Hồng Khanh	X	01/01/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
244	8931	M1522006	Bùi Thị Yến Ngân	X	20/07/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
245	9041	M1522007	Bùi Yến Nhi	X	03/01/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
246	8932	M1522010	Nguyễn Thanh Thảo	X	08/01/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
247	9042	M1522012	Võ Văn Thường		22/10/1987	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
248	8933	M1522013	Nguyễn Thị Mai Trâm	X	13/10/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
249	9043	M1522014	Nguyễn Thị Trinh	X	26/12/1993	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
250	8934	M1522015	Phạm Trần Hồng Vân	X	10/06/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
251	9044	M1522017	Văn Thị Hồng Hoa	X	12/07/1984	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
252	8935	M1522018	Nguyễn Ngọc Cát Tường	X	26/09/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
253	8936	M1522019	Mai Thị Thanh Bình	X	19/05/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt)	2022	Trường Sư phạm
255	9035	M3221025	Trần Thị Hải Yến	X	10/10/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2021	Trường Sư phạm
256	9036	M3222001	Trần Tú Cẩm	X	12/06/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
257	8928	M3222003	Lưu Xuân Hiền		14/02/1980	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
258	9037	M3222012	Danh Anh Võ		24/07/1991	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
261	8929	M3222023	Nguyễn Thị Mơ	X	27/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
264	9038	M3223003	Mai Ngọc Lan Lil	X	14/11/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2023	Trường Sư phạm
267	9039	M3223006	Lâm Mai Thi	X	07/03/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2023	Trường Sư phạm
276	9128	M4822013	Trần Thị Mỹ Lê	N	07/04/1997	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
277	8939	M4822017	Lê Thị Yến Ngọc	X	01/01/1986	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
279	8940	M4822022	Dương Cẩm Nhung	X	05/09/1989	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
280	x	M4822033	Đinh Thị Diễm Trinh	X	10/11/1989	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
285	9047	M4823008	Nguyễn Tấn Hiệp		20/03/1996	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
287	9048	M4823012	Trần Thị Lâm	X	17/09/1987	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
290	9049	M4823021	Trần Thị Minh Thảo	X	18/06/1989	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
293	9050	M4823028	Hứa Văn Ủ		19/02/1983	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm

TT	Số hiệu VB	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
295	9051	M4823032	Bùi Nguyễn Lan Anh	X	24/11/1986	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
296	9052	M4823033	Đặng Phúc Nguyên Cường		09/08/1996	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
297	9053	M4823035	Lê Thị Cẩm Duyên	X	12/01/1993	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
300	9121	M4823038	Trần Minh Kha		19/06/1997	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
301	9054	M4823039	Võ Ngọc Khen	X	01/01/1996	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
304	9055	M4823043	Nguyễn Kim Ngân	X	10/10/1983	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
306	9056	M4823045	Huỳnh Thị Kiều Oanh	X	15/07/1988	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
307	9057	M4823046	Nguyễn Phương Oanh	X	15/10/2001	Quản lý giáo dục	2023	Trường Sư phạm
310	9087	M1621016	Nguyễn Thị Hoàng Kim	X	15/05/1983	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2021	Khoa Ngoại ngữ
311	9088	M1621061	Phan Thùy Trang	X	30/09/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2021	Khoa Ngoại ngữ
312	9089	M1622065	Lê Thị Thùy Trang	X	03/10/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
313	9090	M1622073	Võ Thị Thúy An	X	06/11/1987	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
314	9091	M1623001	Nguyễn Ngọc Anh	X	24/12/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
315	9092	M1623002	Phan Thị Quí Anh	X	15/08/1993	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
316	9093	M1623003	Đặng Gia Bảo		24/08/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
318	9094	M1623005	Lê Thị Minh Châu	X	11/10/1988	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
320	9095	M1623008	Phan Tuyết Cương	X	22/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
321	9096	M1623009	Tổng Tấn Đạt		15/04/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
322	9097	M1623011	Nguyễn Anh Dũng		25/03/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
328	9098	M1623017	Phan Nhật Hào		08/05/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
329	9099	M1623018	Nguyễn Thị Diễm Hồng	X	21/01/1994	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
331	9100	M1623020	Phạm Tấn Huy		14/08/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
332	9101	M1623021	Đỗ Nguyễn Mai Huỳnh		15/04/1969	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
333	9102	M1623023	Phạm Lê	X	06/10/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
334	9103	M1623024	Nguyễn Thị Thanh Long	X	14/03/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
335	9104	M1623025	Trần Thanh Trúc Ly	X	12/01/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
337	9105	M1623028	Bùi Văn Nam		24/02/1994	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
338	9106	M1623029	Phạm Thị Kim Ngân	X	28/04/1991	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
342	9107	M1623033	Nguyễn Trương Hồng Ngọc	X	01/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
344	9108	M1623036	Nguyễn Thanh Phong		06/08/1992	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
345	9109	M1623037	Nguyễn Thị Ngọc Phước	X	24/10/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
347	9110	M1623040	Kiểm Mỹ Quỳnh	X	30/12/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
348	9111	M1623041	Thạch Minh Tâm		10/07/2001	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
349	9112	M1623042	Dương Thanh Tâm	X	27/04/1991	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
350	9113	M1623043	Tiết Nhật Tân		26/02/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
351	9114	M1623044	Huỳnh Duy Tân		07/09/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
352	9115	M1623046	Phan Ngọc Thảo	X	17/09/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
353	9116	M1623047	Trần Thị Thanh Thảo	X	05/08/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
356	9117	M1623052	Trần Song Toàn		26/10/1978	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
357	9118	M1623053	Trần Thị Thảo Trinh	X	30/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
359	9119	M1623059	Nguyễn Văn Uyên	X	22/11/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
361	8927	M1623063	Phan Ngọc Tường Vy	X	21/08/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
378	9120	M1623085	Nguyễn Thị Huỳnh Như	X	16/01/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2023	Khoa Ngoại ngữ
386	8964	M4021002	Nguyễn Anh Khoa		01/01/1990	Kinh tế học	2021	Trường Kinh tế
388	9085	M1321005	Trần Thiện Nhân		13/12/1998	Kinh tế nông nghiệp	2021	Trường Kinh tế

TT	Số hiệu VB	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
389	9123	M1321006	Trần Hồng Nhân	X	14/09/1996	Kinh tế nông nghiệp	2021	Trường Kinh tế
390	9015	M1321008	Thái Ngọc Thịnh		24/07/1999	Kinh tế nông nghiệp	2021	Trường Kinh tế
391	9016	M1322001	Võ Thị Hồng Hạnh	X	10/05/2000	Kinh tế nông nghiệp	2022	Trường Kinh tế
392	9017	M1322003	Lê Thị Tuyết Nhung	X	08/08/2000	Kinh tế nông nghiệp	2022	Trường Kinh tế
393	9018	M1323004	Nguyễn Đình Lăng		15/04/1989	Kinh tế nông nghiệp	2023	Trường Kinh tế
394	9074	M2721003	Nguyễn Khoa Đăng		01/01/1991	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
395	8974	M2721005	Phan Trần Lê Huy		17/05/1989	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
396	8975	M2721010	Phan Dương Linh		19/09/1996	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
397	9075	M2721015	Nguyễn Cao Sơn		08/10/1998	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
398	9129	M2721019	Lê Huỳnh Công Thoại		13/05/1997	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
399	9122	M2721022	Võ Anh Trân	X	25/11/1991	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
400	8976	M2721026	Trần Bảo Uyên	X	14/07/1996	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
406	8953	M2722007	Lê Thị Diễm Hương	X	15/06/1995	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
409	9076	M2722018	Phan Đức Thắng		23/05/1993	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
411	9077	M2722037	Huỳnh Khả Chánh		28/08/1980	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
412	8954	M2722039	Lê Thị Mỹ Duyên	X	26/05/2000	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
413	8977	M2722053	Phan Cảnh Trương Đăng		03/03/1999	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
414	8955	M2722055	Nguyễn Hoàng Yên Nhi	X	05/08/1998	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
415	9067	M1421011	Tạ Quang Lộc		23/07/1991	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
416	8970	M1421016	Kim Thạch Bích Nga	X	01/03/1992	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
417	9068	M1421019	Ngô Trần Nghiệp		22/09/1998	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
418	8971	M1421031	Trần Thị Cẩm Tiên	X	17/07/1995	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
419	8972	M1421032	Võ Thành Tới		24/10/1991	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
420	8973	M1421034	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	X	14/07/1992	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
421	9069	M1422006	Trần Thị Thu Đào	X	20/01/1997	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
422	9070	M1422018	Huỳnh Bá Lượng		25/08/1990	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
424	x	M1422032	Ấu Dương Thiên Trang	X	03/10/1992	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
425	x	M1422049	Nguyễn Thị Yến Khoa	X	15/01/2000	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
426	9071	M1422059	Huỳnh Anh Thơ	X	16/09/1992	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
427	9072	M1422062	Nguyễn Thảo Uyên	X	20/09/1998	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
432	8947	M1423021	Nguyễn Đặng Vân Ngọc	X	21/11/2000	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
434	9073	M1423023	Trần Phạm Thiên Nhi	X	21/01/1997	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
435	8948	M1423029	Trần Huỳnh Phương Thy	X	03/05/2000	Quản trị kinh doanh	2023	Trường Kinh tế
444	8967	M4521006	Trần Trang Diệu Hiền	X	31/12/1989	Quản lý kinh tế	2021	Trường Kinh tế
445	8941	M4521011	Nguyễn Ngọc Anh Kiệt		28/03/1998	Quản lý kinh tế	2021	Trường Kinh tế
446	8942	M4522003	Trần Thị Ngọc Ánh	X	04/02/1992	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
447	8943	M4522006	Dương Hồng Hạnh	X	20/10/1993	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
448	8944	M4522008	Nguyễn Thị Phương Lan	X	13/03/1987	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
449	9058	M4522015	Nguyễn Thị Thanh Ngoan	X	22/06/1983	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
450	9059	M4522021	Dương Thị Trúc Phương	X	25/08/1989	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
455	8969	M4522049	Huỳnh Thị Thanh Thảo	X	01/10/1994	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
457	8945	M4522059	Mai Thành Tài		03/07/2000	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
458	9060	M4522060	Võ Phạm Trinh Thư	X	30/05/1975	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
460	9061	M4523006	Nguyễn Minh Hiếu	X	28/11/1998	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
461	9062	M4523017	Nguyễn Trọng Nguyễn		12/12/1998	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế

TT	Số hiệu VB	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
465	9063	M4523030	Lâm Nhật Tân		24/11/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
466	x	M4523031	Phan Đăng Anh Thư	X	22/03/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
467	9064	M4523033	Trương Ngọc Trân	X	10/08/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
470	9065	M4523040	Lê Quang Vĩnh		26/12/1989	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế